TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 12 - 2017
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀNỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà **Đặng Thị Bích Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Nguyễn Thị Chiểu**

  Bà **Khuất Thị Luyến**

- *Thư ký phiên toà*: Ông **Nguyễn Anh Dũng**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Công Hoà** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2017/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1986; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 8, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn V***,* sinh năm 1987; vắng mặt

Địa chỉ: Cụm 2, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai tiếp theo tại Toà án, chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn ngày 06/12/2007 có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng anh V và gia đình ở tại Cụm 2, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội, được khoảng một tháng thì gia đình cho vợ chồng chị ăn ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chị sống chung hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do chị phát hiện anh V quan hệ ngoại tình với người khác qua tin nhắn điện thoại mà hai người nhắn tin cho nhau. Sau khi biết sự việc chị đã đến gặp người này để nói chuyện và anh V biết đã đánh chửi chị nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến tết năm 2016 chị về sống chung cùng anh V, nhưng anh V không thay đổi mà vẫn có mối quan hệ ngoại tình với người khác, cũng vì lý do đó mà anh V không quan tâm và

không có trách nhiệm gì với mẹ con chị nên tháng 3 năm 2017 chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay chị và anh V Không ai quan tâm đến ai nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể đoàn tụ để sống chung cùng nhau được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Hiện nay, anh V vẫn đang sinh sống tại xã H, huyện P, anh V biết việc Toà án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng chị nhưng anh V nói " Thích thì đơn phương giải quyết, anh không bỏ nên không đến Toà án". Việc anh V cố tình không đến Toà án là gây khó khăn cho chị nên chị đề nghị Toà án giải quyết nhanh chóng cho chị được ly hôn anh V để chị yên tâm làm ăn.

+ Về con chung: Chị và anh V có 03 con chung là Nguyễn Thị Thanh C, sinh ngày 31/10/2008, Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/10/2009 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 29/02/2012. Hiện nay cả 3 cháu đang sống chung cùng chị, nhưng cuối tuần vào tối thứ bảy anh V đến đón 3 cháu về, đến tối chủ nhật anh V lại đưa 3 cháu về ở cùng chị. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của chị được nuôi cả 3 con, nhưng anh V nói với chị muốn được nuôi cháu Q thì chị cũng đồng ý. Nếu chị được nuôi cháu C và cháu L thì chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về nợ : Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Nguyễn Văn V cố tình không đến Toà án nên Toà án không lấy được lời khai và không tiến hành hoà giải được.

- Tại Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị K là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn V. Bà K trình bày: Anh Nguyễn Văn V kết hôn cùng chị Nguyễn Thị T vào năm 2007, trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P. Sau khi kết hôn chị T về sống chung cùng anh V và gia đình bà được thời gian ngắn thì vợ chồng anh V ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng anh V sống chung hạnh phúc và đã sinh được 3 người con. Đến tháng 8 năm 2016 thì vợ chồng anh V, chị T xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nguyên nhân bà không biết, sau đó chị T bỏ đi và sống ly thân anh V từ đó đến nay. Về việc Toà án thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị T thì anh V cũng biết. Các văn bản tài liệu của Toà án gửi cho anh V mà bà đã nhận thay thì bà đã chuyển đến anh V, nhưng anh V nói không ly hôn nên không đến Toà án để giải quyết. Về tài sản và nợ của vợ chồng anh V như thế nào bà không biết.

- Tại Biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị T là chị gái anh Nguyễn Văn V. Chị T trình bày: AnhV đi lái xe thuê ở Hà Nội, địa chỉ cụ thể chị không biết. Chị ở gần nhà V nên chị biết V đi làm từ sáng đến tối mới về và chỉ được nghỉ ở nhà vào các ngày Chủ nhật trong tuần. Vì vậy, mặc dù chị biết anh V nhận được giấy triệu tập, thông báo về phiên hoà giải của Toà án nhưng anh V đều không đến Toà án. Về mâu thuẫn của vợ chồng T, V như thế nào chị không biết, chỉ biết khoảng tháng 8 năm 2016 vợ chồng chị T và anh V cãi nhau, sau đó chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay không về sống chung cùng anh V nữa. Hôm nay, Toà án đến nhà nhưng không gặp được anh V và chị đã gọi điện thoại cho anh V từ số máy 0975929187 thì anh V nghe điện và nói "Không muốn ly hôn nhưng nếu chị T cố tình ly hôn thì đồng ý, nhưng sẽ không bao giờ đến Toà án, kệ cho T đơn phương giải quyết". Về con chung: Vợ chồng chị T, anh V sinh được 3 người con, hiện các cháu đang ở cùng chị T, cuối tuần anh V về đến đón các cháu về chơi sau đó lại đưa về nhà chị T. Nguyện vọng của anh V được nuôi cả 3 cháu. Về tài sản chung và nợ của vợ chồng chị T và anh V thì để vợ chồng V tự giải quyết nên chị không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T kiên quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn V vì tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn. Về con chung chị đề nghị được nuôi cháu C và cháu L, để anh V nuôi cháu Q. Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị không yêu cầu Toà án giải quyết; Về nợ chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V. Về con chung giao cháu Nguyễn Thị Thanh C và cháu Nguyễn Khánh L cho chị T nuôi. Giao cháu Nguyễn Minh Q cho anh V nuôi. Chấp nhận đề nghị của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã giao các Văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Nguyễn Văn V, nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh V đều vắng nên Toà án không tiến hành lấy lời khai và không hoà giải được. Vì vậy, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà, anh Nguyễn Văn V vắng mặt lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn V.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V kết hôn hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, thành phố Hà Nội vào ngày 06/12/2007. Quá trình sống chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T nghi ngờ anh V quan hệ ngoại tình với người khác, từ đó anh V không quan tâm và không có trách nhiệm với mẹ con chị T nên chị T về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3 năm 2017 đến nay không về sống chung cùng anh V nữa. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T kiên quyết xin ly hôn anh Nguyễn Văn V. Phía anh V vắng mặt nhưng theo lời khai của bà Nguyễn Thị K là mẹ đẻ anh V và chị Nguyễn Thị T là chị gái anh V đều xác nhận vợ chồng chị T, anh V sống chung đã xảy ra mâu thuẫn cãi nhau từ năm 2016, sau đó chị T bỏ đi đến nay không về sống chung cùng anh V nữa. Mặc dù, Toà án không lấy được lời khai của anh V, nhưng anh V có ý kiến thông qua chị T là anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị T cố tình ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt

được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V có có 03 con chung là Nguyễn Thị Thanh C, sinh ngày 31/10/2008, Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/10/2009 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 29/02/2012. Xét nguyện vọng của chị Nguyễn Thị T giao cháu Q cho anh V nuôi. Hội đồng xét xử thấy mặc dù anh V không đến Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh V, vì vậy Tòa án không ghi được ý kiến của anh V, nhưng theo xác minh tại địa phương xã H nơi anh V đang sinh sống và theo lời khai của bà K và lời khai của chị T thì anh V hiện nay vẫn đang sinh sống tại Cụm 2, xã HiệpThuận, huyện P và qua mẹ đẻ của anh V và chị gái của anh V, cũng như tại phiên tòa chị T khai, trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh V, thì anh V gọi điện thoại cho chị nói sẽ nuôi cháu Q. Việc đề nghị được nuôi con của anh V và chị T là chính đáng, tuy nhiên theo nguyện vọng của cháu Q được sống chung cùng anh V, còn cháu C được ở cùng chị T, đối với cháu L còn nhỏ nên chấp nhận đề nghị của chị T và anh V giao cháu C và cháu L cho chị T nuôi và giao cháu Q cho anh V nuôi là phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T xác định có đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Văn V cho đến khi có yêu cầu mới hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị T đều có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ: Chị Nguyễn Thị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp nếu anh Nguyễn Văn V có yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ thì được giải quyết bằng một án khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án .

Xử:

+ Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh C, sinh ngày 31/10/2008, và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 29/02/2012 cho chị Nguyễn Thị T nuôi. Giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/10/2009 cho anh Nguyễn Văn V nuôi đến khi cháu Nguyễn Thị Thanh C, Nguyễn Khánh L và Nguyễn Minh Q đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn V cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V đều có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001957 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền T thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đặng Thị Bích Loan

Nơi nhận
- *TAND thành phố Hà Nội*;
- *VKSND huyện Phúc Thọ;*
- *THADS huyện Phúc Thọ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nơi nhận
- *TAND thành phố Hà Nội*;
- *VKSND huyện Phúc Thọ;*
- *THADS huyện Phúc Thọ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phỳc Thọ;
- THADS huyện Phỳc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phỏn- Chủ toạ phiờn toà

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIấN TềA